TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **183**/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 1, ngày 16 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 158/2019/HNST ngày 10/4/2019, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa:

Người yêu cầu:

Bà Phùng Cúc P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số X, đường Lê Thị Hồng Gấm, phường Nguyễn thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Phú S, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số X, đường Cầu Xéo, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải và đền tụ không thành ngày 05 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Cúc P, sinh năm 1982 và ông Nguyễn Phú S, sinh năm 1979 thuận tình ly hôn.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/7/2011).

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phú Bảo L (nam), sinh ngày 28/11/2011; hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà Phùng Cúc P là người trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi con con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông S không thi hành số tiền như trên thì hàng tháng ông S còn phải trả cho bà P tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Phú S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, theo đơn yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Phùng Cúc P và ông Nguyễn Phú S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phùng Cúc P và ông Nguyễn Phú S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Phùng Cúc P và ông Nguyễn Phú S cùng chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0007349 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phùng Cúc P và ông Nguyễn Phú S đã nộp đủ lệ phí.

3. Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn giữa bà Phùng Cúc P và ông Nguyễn Phú S có trách nhiệm ghi nội dung quyết định này vào sổ hộ tịch.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1;
- UBND phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hiền